

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HS-ST
Ngày 23-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Lê Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HS ngày 08/7/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn H - Giới tính: Nam; sinh năm: 1996 tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ 1, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Nguyễn Văn M và con bà: Vũ Thị Thanh L; vợ: Đinh Hồng T, có 01 con nhỏ sinh 2017; TATS: Theo danh chỉ bản số 248 ngày 27-3-2021 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân quận L xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội: Trộm cắp tài sản;

- Ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 21 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản; ngày 09/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 27-3-2021 đến ngày 05-4-2021 chuyển tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; trú tại: Thôn K, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25-3-2021, Nguyễn Tuấn H từ nhà ở tổ 1 phường P, quận L thuê xe Taxi do anh Đặng Trần T1, sinh năm 1984, trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện G điều khiển đến khu vực D, xã Đ, huyện G thì xuống xe đi bộ vào khu vực Thôn K, xã K, huyện G mục đích xem nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản. H đi lang thang trong thôn, phát hiện nhà chị H1 có khóa cổng nhưng không khóa cửa nhà, trong nhà không có ai, H trèo qua cổng sắt vào trong nhà, thấy phòng ngủ tầng 1 cửa khóa, H dùng chân đạp vỡ kính cửa và thò tay vào mở chốt cửa phòng rồi vào phòng, H mở tủ gỗ đựng quần áo lấy được một tập tiền nhiều mệnh giá ở trong túi một áo khoác, tiếp tục H thấy hòm sắt có khóa để dưới đất cạnh tủ, H dùng tay cạy nắp hòm và lấy được một tập tiền cùng 01 kiềng bằng vàng nặng 03 chỉ và 02 nhẫn bằng vàng (mỗi chiếc 01 chỉ). Sau khi lấy được tiền và vàng, H cất vào túi áo khoác của H đang mặc, sau đó trèo cổng ra ngoài. H đi đến đường 181, cho tiền và vàng vừa lấy trộm được vào trong túi quần của H đang mặc, H cởi áo khoác vứt ở đường và thuê xe ôm đi về nhà. Đến 14 giờ cùng ngày, H mang số vàng trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc V, địa chỉ: số 87 đường V, tổ 19, phường S, quận L, thành phố Hà Nội, bán cho anh Phí Văn V 01 kiềng bằng vàng nặng 03 chỉ và 02 nhẫn bằng vàng (mỗi chiếc 01 chỉ) được 24.300.000 đồng. Sau đó H sang Hà Nội trả nợ 30.000.000 đồng cho Trung (không rõ nhân thân), số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận của Nguyễn Tuấn H phù hợp với biên bản thân dẫn, vị trí H trộm cắp tiền và số lượng vàng theo như chị H1 trình báo. Tuy nhiên, H chỉ khai nhận số tiền trộm cắp được tại nhà chị H1 là khoảng 20 triệu đồng, H không thừa nhận lấy trộm số tiền trong túi xách như chị H1 trình báo là 8.083.000 đồng. Ngoài lời khai của chị H1 không có tài liệu chứng cứ nào khác do vậy không có đủ căn cứ xác định số tiền H trộm cắp trong túi xách của chị H1 là 8.083.000 đồng mà chỉ có đủ căn cứ xác định số tiền H đã trộm cắp của nhà chị H1 là 6.000.000 đồng ở trong túi áo khoác treo trong tủ và 18.000.000 đồng ở trong hòm tôn cùng 01 kiềng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ và hai nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ/01 nhẫn.

Tại kết luận định giá tài sản số 74 ngày 22-4-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 kiềng vàng, loại vàng

9999 có trọng lượng 03 chỉ có giá trị 16.494.000 đồng và 02 nhẫn vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ/01 nhẫn có giá trị 10.996.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 122 ngày 23-6-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 tấm kính màu trắng đục, có hoa văn, kích thước 50x14 cm đã bị đập vỡ có chi phí thay thế là: 11.900 đồng; 01 chiếc hòm tôn, tối màu, có kích thước 25 x 35 x 60cm, đã qua sử dụng có giá trị 0 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 117/CT-VKSGL ngày 02-7-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo H mức án từ 36 đến 40 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 27-3-2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H1 số tiền là 31.490.000đ.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 14 giờ 20 phút ngày 25-3-2021, tại Thôn K, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Tuấn H đã có hành vi trộm cắp số tiền 24.000.000 đồng cùng với 01 kiềng vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 03 chỉ có giá trị 16.494.000 đồng và 02 nhẫn vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ/01 nhẫn có giá trị 10.996.000 đồng của chị Nguyễn Thị H1. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 51.490.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân của bị cáo đã có 02 tiền án: Ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân quận L xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội: Trộm cắp tài sản; ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 21 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 09/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù. Các tiền án trên của bị cáo chưa được xóa nên bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại cho chị H1 số tiền 20 triệu đồng tại phiên tòa; chị H1 có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm; tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của chị H1 là 51.490.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm c và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên là có căn cứ.

[9]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của bị cáo, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, về mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[11]. Chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn H phải bồi thường tổng số tiền là 59.573.000 đồng. Xét thấy, chị H1 xác định bị cáo còn lấy của bị hại số tiền 8.083.000 đồng. Tuy nhiên, H chỉ khai nhận số tiền trộm cắp được tại nhà chị H1 là khoảng 20.000.000 đồng, H không thừa nhận lấy trộm số tiền trong túi xách như chị H1 trình báo là 8.083.000 đồng. Ngoài lời khai của chị H1 không có tài liệu chứng cứ nào khác do vậy không có đủ căn cứ xác định số tiền H trộm cắp trong túi xách của chị H1 là 8.083.000 đồng mà chỉ có đủ căn cứ xác định số tiền H đã trộm cắp của nhà chị H1 là 6.000.000 đồng ở trong túi áo khoác treo trong tủ và 18.000.000 đồng ở trong hòm tôn cùng 01 kiềng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ và hai nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ/01 nhẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị H1 số tiền là 51.490.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã tác động và mẹ bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị H1 số tiền 20.000.000 đồng. Chị H1 đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Số tiền còn lại là 31.490.000 đồng buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị H1 là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Đối với anh Phí Văn V là người mua 02 nhẫn vàng và 01 kiềng vàng do H bán. Khi mua anh V không biết đó là số vàng do H trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý gì đối với anh V. Toàn bộ số vàng trên anh V đã nấu chảy làm thành sản phẩm khác và đã bán cho người khác nên cơ quan điều tra không thu giữ được số vàng này.

[13]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự và về vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[14]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[15]. Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H 32 (Ba mươi hai) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-3-2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 31.490.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tuấn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.574.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đã ký

Vũ Quang Dũng